

## **BÁO CÁO**

### **Về công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Đàm Dơi**

Kính gửi: Đoàn giám sát - Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 10/9/2021 của Đoàn giám sát - Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Qua rà soát, Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi báo cáo các nội dung theo đề cương của Đoàn giám sát như sau:

#### **1. Tình hình triển khai nhiệm vụ công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020**

##### ***1.1. Báo cáo tóm tắt trong công tác chỉ đạo, thực hiện việc lập quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn quản lý để trình cấp thẩm quyền phê duyệt***

Năm 2010, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi đã lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2011- 2020 và được phê duyệt tại Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của huyện Đàm Dơi.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của huyện Đàm Dơi đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng tài nguyên đất trên địa bàn từng bước đi vào nề nếp. Tuy nhiên, trong những năm qua, hòa chung với nhịp độ phát triển của tỉnh Cà Mau, trên địa bàn huyện Đàm Dơi diễn ra quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, nhu cầu sử dụng đất của các ngành kinh tế ngày một gia tăng và diễn biến phức tạp, đã tác động mạnh đến sự biến động cơ cấu đất đai của huyện. Vấn đề sử dụng và quản lý đất đai trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn và phức tạp hơn; sự gia tăng dân số cũng gây áp lực không nhỏ đối với quỹ đất của huyện và hầu hết các ngành kinh tế trên địa bàn huyện đều có nhu cầu về đất để mở rộng phát triển. Chính vì vậy, làm thế nào để phân bổ quỹ đất hợp lý đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho sự phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội của huyện Đàm Dơi là việc làm cần thiết.

Bên cạnh đó, giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Cà Mau nói chung và huyện Đầm Dơi nói riêng có nhiều sự thay đổi trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (*phê duyệt theo Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*), các mục tiêu và nhiệm vụ được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh Cà Mau và Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ huyện Đầm Dơi. Do đó, một số dự báo về các chỉ tiêu phát triển kinh tế của tỉnh và huyện Đầm Dơi đến năm 2020 có sự thay đổi, dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch trước không còn phù hợp và cần điều chỉnh lại.

Theo quy định Điều 51, Luật Đất đai năm 2013: “*Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì phải rà soát, điều tra bổ sung để điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với quy định của Luật này khi lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2016 - 2020)*”.

Do đó, để đảm bảo sự phù hợp với các quy định mới về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đồng thời đảm bảo nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện đến năm 2020 phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Cũng như ý kiến chỉ đạo của cấp trên tại các văn bản:

- Công văn số 187/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 21/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất.

- Công văn số 7372/UBND-NĐ ngày 30/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 cấp huyện.

- Công văn số 2951/UBND-NĐ ngày 10/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi đã triển khai thực hiện dự án: “*Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Đầm Dơi*” và được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 16/8/2020.

Công tác lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm được huyện Đầm Dơi tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế

hoạch sử dụng đất. Trong đó:

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Đầm Dơi được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 05/4/2017.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Đầm Dơi được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 09/4/2018.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Đầm Dơi được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 24/5/2019.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đầm Dơi được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 09/6/2020.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đầm Dơi được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 16/4/2021.

### ***1.2. Tình hình triển khai thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp và sự đồng thuận của người dân đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương***

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Công văn số 2951/UBND-NĐ ngày 10/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện và Công văn số 1519/STNMT-CCQLĐĐ ngày 09/6/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện, tỉnh Cà Mau. Trên cơ sở chỉ tiêu phân bổ cấp tỉnh, huyện Đầm Dơi đã hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đầm Dơi.

Theo đó, Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đầm Dơi được xây dựng trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất các ngành, lĩnh vực đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện đến năm 2020. Đồng thời là công cụ quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ pháp lý để huyện Đầm Dơi thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, hướng việc quản lý và sử dụng tài nguyên đất của huyện đi vào nề nếp; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi đã ban hành Thông báo số 383/TB-UBND ngày 21/7/2017 về việc lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đầm Dơi.

Hồ sơ lấy ý kiến gồm: Báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Đầm Dơi; chỉ tiêu sử dụng đất, danh mục công trình, dự án dự kiến thực hiện đến năm 2020; Bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đầm Dơi.

Về Phương thức công khai: Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi tại địa chỉ <https://damdoi.camau.gov.vn>, mục lấy ý kiến xây dựng văn bản quy hoạch sử dụng đất và niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đàm Dơi.

Thời gian lấy ý kiến: 30 ngày kể từ ngày thông tin được đăng tải.

Nơi tiếp nhận ý kiến góp ý: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đàm Dơi hoặc đóng góp trực tiếp tại Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện (địa chỉ <https://damdoi.camau.gov.vn>, mục lấy ý kiến xây dựng văn bản quy hoạch sử dụng đất) và được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đàm Dơi.

***1.3. Công tác tuyên truyền, công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt theo quy định. Ý thức chấp hành của người dân bị ảnh hưởng trong khu vực quy hoạch, thu hồi đất***

Hàng năm, huyện Đàm Dơi đã tiến hành tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định tại Điều 48 của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 6 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018). Cụ thể:

- Sau khi điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ <https://damdoi.camau.gov.vn>. Đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức công khai tại Trụ sở đến các đơn vị, tổ chức, cá nhân được biết, thực hiện theo quy định.

- Việc tiến hành công bố công khai đã góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng đất đúng mục đích theo quy định; tuy nhiên do trình độ dân trí chưa cao, do đó vẫn còn diễn ra tình trạng người dân sử dụng đất sai mục đích, lấn chiếm vỉa hè, lòng đường...

- Để khắc phục tình trạng sử dụng đất sai mục đích, xây dựng công trình không phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý dứt điểm các vi phạm pháp luật đất đai; chấn chỉnh, tăng cường quản lý Nhà nước về đất đai; góp phần nâng cao hiệu lực pháp luật đất đai, ngăn chặn, hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn huyện.

- Thông qua công tác kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai để tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đất đai trong các cơ quan Nhà nước và các tổ chức, cá nhân; rà soát đánh giá hệ thống pháp luật đất đai và đánh giá tình hình chấp hành pháp luật đất đai; đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật và các biện pháp tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về đất đai.

## **2. Tình hình quản lý và kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt**

### ***2.1. Đánh giá tình hình và kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất... theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt***

- Kết quả thực hiện thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất: Trong quy hoạch sử dụng đất kỳ trước qua các năm 2016 - 2020, trên địa bàn huyện đã đăng ký thực hiện 672 hạng mục công trình, dự án. Kết quả đã thực hiện được 263/672 hạng mục công trình, dự án (*trong đó, có 01 hạng mục thực hiện 01 phần của “Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản”*) đạt tỷ lệ 39,14% về mặt tổng số công trình, dự án đã đăng ký với tổng diện tích quy hoạch đã thực hiện được là 591,18 ha/1.360,91 ha.

- Qua rà soát, tổng hợp tình hình chuyển đổi cơ cấu đất trồng lúa đến ngày 31/12/2019 của 16 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đầm Dơi không có trường hợp chuyển đổi cơ cấu đất trồng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và khoản 11, Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

### ***2.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án thực tế đã triển khai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (đã đưa vào danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất)***

Trong quy hoạch sử dụng đất kỳ trước qua các năm 2016 - 2020, trên địa bàn huyện đã đăng ký thực hiện 672 hạng mục công trình, dự án. Kết quả đã thực hiện được 263/672 hạng mục công trình, dự án (*trong đó, có 01 hạng mục thực hiện 01 phần của “Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản”*) đạt tỷ lệ 39,14% về mặt tổng số công trình, dự án đã đăng ký với tổng diện tích quy hoạch đã thực hiện được là 591,18 ha/1.360,91 ha.

### ***2.3. Tình hình rà soát để điều chỉnh hoặc hủy bỏ và công bố các dự án, công trình đã quá thời gian nhưng chưa thực hiện, chưa có quyết định thu hồi đất***

Những năm gần đây, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện rà soát, tổng hợp các công trình, dự án trên địa bàn huyện quá 3 năm nhưng chưa triển khai đề trình cấp thẩm quyền xem xét hủy bỏ theo quy định. Kết quả có 06 công trình, dự án: Đường số 7, khóm 4, thị trấn Đầm Dơi; Lộ Tô Văn Mười nối dài (*đoạn từ đường Nguyễn Tạo đến đường 30/4*), khóm 4, thị trấn Đầm Dơi; Đê bao mương Chung Kiệt - Khâu Mét; Cụm dân cư khóm 1 (*phía Đông*), thị trấn Đầm Dơi; Khu dân cư (*tái định cư*) ấp Tân Long A, xã Tân Tiến; Khu dân cư (*tái định cư*) ấp Thuận Long, xã Tân Tiến.

### ***2.4. Kết quả thực hiện các khoản thu liên quan đến đất đai trong kỳ quy***

### **hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh**

Kết quả thực hiện các khoản thu liên quan đến đất đai trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện là 474,97 tỷ đồng. Trong đó, năm 2016 là 67,83 tỷ đồng, năm 2017 là 77,84 tỷ đồng, năm 2018 là 96,45 tỷ đồng, năm 2019 là 123,11 tỷ đồng và năm 2020 là 109,74 tỷ đồng.

Về tình hình hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất; việc xây dựng, xác định giá đất... những nội dung này thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành cấp tỉnh.

Việc áp dụng giá đất được thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

### **2.5. Tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích trên địa bàn**

Qua tổng hợp quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Đầm Dơi đến ngày 31/12/2019, hiện có 14 đơn vị hành chính cấp xã có đất nông nghiệp công ích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp, đất công ích chưa đưa vào sử dụng và đất công ích sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp. Trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp công ích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp là 8,5 ha (*đất nuôi trồng thủy sản*) hiện đang cho hộ gia đình, cá nhân thuê và đất công ích chưa đưa vào sử dụng diện tích là 103,4 ha, cụ thể như sau:

*Diện tích: ha*

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Tổng diện tích quỹ đất nông nghiệp công ích	Đất nông nghiệp công ích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp		Đất công ích chưa đưa vào sử dụng
			Nuôi trồng thủy sản	Hình thức sử dụng ( <i>cho thuê</i> )	
01	Thị trấn Đầm Dơi	2,4			2,4
02	Xã Quách Phẩm	1,9			1,9
03	Xã Quách Phẩm Bắc	0,6			0,6
04	Xã Tạ An Khương	0,4			0,4
05	Xã Tạ An Khương Đông	2,3			2,3
06	Xã Tạ An Khương Nam	1,3			1,3

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Tổng diện tích quỹ đất nông nghiệp công ích	Đất nông nghiệp công ích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp		Đất công ích chưa đưa vào sử dụng
			Nuôi trồng thủy sản	Hình thức sử dụng (cho thuê)	
07	Xã Tân Dân	41,7			41,7
08	Xã Tân Duyệt	5,6			5,6
09	Xã Tân Đức	8,5	8,5	8,5	0,1
10	Xã Tân Thuận	29,5			29,5
11	Xã Tân Tiến	2,8			2,8
12	Xã Tân Trung	6,6			6,6
13	Xã Thanh Tùng	1,0			1,0
14	Xã Trần Phán	7,1			7,1
<b>Tổng</b>		<b>111,8</b>	<b>8,5</b>	<b>8,5</b>	<b>103,4</b>

- Diện tích đất nông nghiệp công ích sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp với tổng diện tích là 0,5 ha thuộc xã Tân Trung, chủ yếu là đất nông nghiệp công ích sử dụng vào mục đích các loại đất khác trong nhóm đất phi nông nghiệp.

#### **2.6. Tình hình quản lý đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện. Kết quả thực hiện diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích khác**

Tính đến kỳ kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất chưa sử dụng của huyện là 1.241,6 ha, chủ yếu là đất bằng chưa sử dụng ở các xã: Tân Tiến, Tân Thuận và Nguyễn Huân được chuyển từ các loại đất sau:

- Chuyển từ đất rừng phòng hộ 465,6 ha, đất nuôi trồng thủy sản 147,5 ha, đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 21,5 ha do thực hiện thu hồi đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Nuôi trồng và Chế biến thủy hải sản Mỏ O - Sóc Trăng, tại ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau quản lý.

- Tăng khác 606,9 ha do trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 xác định lại ranh địa giới hành chính theo Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và công bố danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mục nước triều vùng ven biển và 10 đảo, cụm đảo lớn

của Việt Nam; bản đồ đường mép nước thấp nhất trung bình trong nhiều năm và đường ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 03 hải lý vùng ven biển Việt Nam.

### ***2.7. Tình hình và kết quả giải quyết yêu cầu, khiếu nại về đất đai có liên quan đến công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn quản lý***

Công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết các yêu cầu, khiếu nại, tố cáo của công dân, hòa giải ở cơ sở được quan tâm thực hiện. Tổ chức tiếp 615 lượt công dân, với 714 người. Tiếp nhận và giải quyết 213 đơn (*trong đó có 36 đơn khiếu nại, 12 đơn tố cáo, 165 đơn yêu cầu, kiến nghị*); nội dung chủ yếu về lĩnh vực hành chính, đất đai, giải phóng mặt bằng... Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ và nhân dân được 20.216 cuộc, với 1.174.650 lượt người dự. Các ngành, đơn vị trên địa bàn huyện tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

### ***2.8. Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất***

Được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp cùng các đơn vị liên quan thực hiện công tác lập, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đúng quy định. Nhất là tổ chức việc thực hiện công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch.

Đặc biệt những năm gần đây, các ngành chuyên môn huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn thường xuyên, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm việc sử dụng đất sai mục đích, xây dựng nhà, công trình không phù hợp quy hoạch.

### ***2.9. Công tác chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính về đất đai; xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh***

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính: Ủy ban nhân dân huyện đã quán triệt đến các ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn về các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời triển khai thực hiện bốn nội dung cải cách hành chính, cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, đổi mới và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và cải cách hành chính công. Hoạt động cải cách ngày càng đi vào chiều sâu, thể hiện rõ quyết tâm đổi mới đúng chủ trương, chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả việc thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn huyện đã góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường kỷ cương hành chính.

Trong lĩnh vực đất đai, Ủy ban nhân dân huyện luôn cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, quy chế phối hợp trong công tác giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh. Qua đó,



Ủy ban nhân dân huyện đã kịp thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu thực hiện.

Thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai được giải quyết theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tại các văn bản: Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 20/7/2016, Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 29/01/2018, Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai cấp huyện; Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đất đai áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung, đồng thời rút ngắn thời gian giải quyết cho từng loại thủ tục so với quy định chung từ 10% đến 30%.

Công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế “*một cửa, một cửa liên thông*” được thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy trình đã công bố công khai. Chú trọng, tăng cường kiểm tra đôn đốc giải quyết, tiếp nhận đúng, đủ thành phần hồ sơ theo quy định, trình tự và thời gian giải quyết. Việc tiếp nhận, giải quyết, yêu cầu hoàn thiện, bổ sung và từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo đúng quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan giải quyết thủ tục hành chính về đất đai đúng trình tự và thời gian quy định theo quy chế phối hợp tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn huyện Đầm Dơi.

Việc xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về đất đai: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực đất đai trên toàn tỉnh. Hiện nay, bước đầu cơ sở dữ liệu đất đai được hình thành và đưa vào hoạt động. Tuy vậy, do chưa được đầu tư đồng bộ hệ thống nên việc lưu trữ dữ liệu hiện nay còn phân tán, chưa được quản lý, vận hành một cách hợp lý, dẫn tới hiệu quả khai thác và sử dụng những dữ liệu này cho công tác quản lý của Nhà nước còn nhiều hạn chế và thực tế cơ quan chuyên môn của huyện Đầm Dơi là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chưa được tiếp cận.

#### ***2.10. Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được quy***

**hoạch, phê duyệt**

- *Nhóm đất nông nghiệp*: Theo chỉ tiêu quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch được duyệt đến năm 2020, chỉ tiêu đất nông nghiệp là 73.662,23 ha; định hướng quy hoạch trong kỳ là giảm 1.214,45 ha so với hiện trạng.

+ Kết quả thực hiện là 74.137,64 ha (*đã giảm 739,03 ha so với hiện trạng năm 2015*). Diện tích thực hiện cao hơn chỉ tiêu quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đề ra là 475,41 ha và đạt 100,65% theo chỉ tiêu được duyệt.

+ Nguyên nhân diện tích thực hiện cao hơn chỉ tiêu quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đề ra 475,41 ha là do kết quả thực hiện kế hoạch tăng, giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch vẫn còn nhiều công trình, dự án chưa thực hiện hoàn thành; do đó quỹ đất nông nghiệp chưa thực hiện giảm chuyển sang đất phi nông nghiệp; trong đó có nhiều dự án với quy mô đầu tư khá lớn như: Nâng cấp đê Biển Đông (*Rạch Chèo - Chợ Thủ - Gành Hào*) là 120,95 ha, cụm công nghiệp Tân Thuận 35 ha, Cụm công nghiệp Nguyễn Huân 50 ha, cụm công nghiệp thị trấn Đầm Dơi 35 ha, đất giao thông (*Quy hoạch chi tiết thị trấn Đầm Dơi*) 15 ha... Do đó huyện xin cập nhật vào các năm tiếp theo trong kỳ Quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030.

Như vậy về cơ bản chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp thực hiện đến năm 2020 đã đạt được một số mục tiêu quan trọng theo định hướng quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch huyện đã đề ra. Việc chuyển đổi cơ cấu giữa các nhóm đất trong kỳ quy hoạch còn thấp, một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa đạt được chỉ tiêu quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đã đề ra.

- *Nhóm đất phi nông nghiệp*: Diện tích theo chỉ tiêu quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch được duyệt là 7.333,24 ha; định hướng tăng thêm 1.214,44 ha so với năm 2015.

+ Kết quả đã thực hiện là 6.228,29 ha (*đã tăng thêm 109,49 ha so với hiện trạng năm 2015*), còn thấp hơn chỉ tiêu quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đề ra 1.104,95 ha, đạt 84,93% về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đã đề ra.

+ Nguyên nhân diện tích thực hiện thấp hơn chỉ tiêu quy hoạch đề ra 1.104,95 ha là do kết quả thực hiện kế hoạch tăng, giảm trong kỳ điều chỉnh quy hoạch vẫn còn nhiều dự án chưa thực hiện hoàn thành, do đó tổng diện tích nhóm đất chưa thực hiện tăng theo quy hoạch đề ra. Mặt khác tại kỳ thống kê năm 2020 huyện có cập nhật điều chỉnh với kết quả thống kê năm 2015 (*là nguồn số liệu đầu vào của điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020*).

- *Nhóm đất chưa sử dụng*: Trong nhiều năm qua việc quản lý, sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm mang lại giá trị sử dụng cao luôn là nguyên tắc hàng đầu. Do đó quỹ đất hoang hóa, đất chưa được đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện hiện nay là không còn.

Tuy nhiên tại kỳ kiểm kê năm 2019 và thống kê đất đai năm 2020 huyện Đầm Dơi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNTMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, theo đó cập nhật các

khu đất đã thực hiện thu hồi đất và giao về cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý với mục đích là đất bằng chưa sử dụng; do đó tổng diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện có cập nhật tăng thêm 1.241,60 ha so với kết quả thống kê năm 2015 (là nguồn số liệu đầu vào của điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020).

- Nhận xét đánh giá nguyên nhân tồn tại:

+ Nhiều công trình, dự án đăng ký trong kỳ quy hoạch nhưng chưa thực hiện hoàn thành (trong đó các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công thực hiện vẫn còn chậm, do nguồn vốn hạn chế; các dự án ngoài ngân sách thực hiện các thủ tục đầu tư còn chậm).

+ Công tác dự báo, xác định nhu cầu sử dụng đất trong quy hoạch kỳ trước của các ngành, đơn vị trên địa bàn huyện còn chậm, chưa rõ ràng và thống nhất về vị trí thực hiện, tên dự án, quy mô dự án. Do đó trong quá trình tổ chức thực hiện gặp rất nhiều khó khăn do có điều chỉnh tên, quy mô, vị trí thực hiện dự án.

+ Công tác mời gọi đầu tư được tổ chức thực hiện tốt, tuy nhiên vẫn còn nhiều cơ hội đầu tư bị bỏ lỡ. Nguyên nhân chính là do vị trí quy hoạch dự án chưa đáp ứng được mong muốn của nhà đầu tư (về vị trí tiếp giáp, tiềm năng phát triển...); ngược lại nhà đầu tư đề xuất vị trí lại có đơn giá bồi thường giải phóng mặt bằng khá cao do thuộc các khu vực có nhiều hộ dân sinh sống, giá đất cao...

+ Công tác quy hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện tiến triển chậm, chưa khai thác hết tiềm năng của huyện. Nguyên nhân là do vị trí quy hoạch cụm công nghiệp trong quy hoạch kỳ trước nằm trong khu vực đô thị (giá trị bồi thường hỗ trợ tái định cư cao, quy mô còn nhỏ, tiềm năng mở rộng không lớn do tiếp giáp với khu đô thị trung tâm, hạ tầng giao thông đầu nối chưa đảm bảo khả năng phát triển công nghiệp).

+ Công tác khảo sát, nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết 1/500, đồ án quy hoạch các tỷ lệ còn chậm, chưa thực hiện đồng bộ với thời điểm xây dựng quy hoạch sử dụng đất. Do đó nhiều dự án được quy hoạch mang định hướng, khái quát nhằm mục tiêu mời gọi đầu tư.

+ Các chỉ tiêu sử dụng đất thuộc nhóm đất nông nghiệp đạt tỷ lệ cao. Qua đó cho thấy quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất từ nông nghiệp sang nhóm đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện diễn ra với tốc độ còn chậm, chưa khai thác hết tiềm năng của huyện.

### **3. Đánh giá chung**

#### **3.1. Về thuận lợi, kết quả đạt được**

Nhìn chung công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực:

- Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện được phân công nhiệm vụ đúng chuyên môn, có kinh nghiệm, thường xuyên được tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và tạo điều kiện đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Do đó trong nhiệm kỳ qua

công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện đã giảm tình trạng sử dụng đất sai quy định so với nhiệm kỳ trước; việc tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo đều đạt số lượng đơn theo thẩm quyền, số còn lại chính quyền địa phương giao cho các tổ chức đoàn thể hòa giải là giải pháp chính, chưa có trường hợp xung đột gay gắt trở thành điểm nóng gây mất trật tự, an ninh xã hội.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Luật Đất đai. Nhờ đó việc quản lý và sử dụng đất trên địa bàn cơ bản đi vào nề nếp; mức độ hài lòng và lòng tin của người dân đối với các cấp, các ngành ngày càng cao hơn.

- Việc quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai ngày càng được chú trọng, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển của huyện thông qua việc phân bổ quỹ đất hợp lý. Hoàn thành công tác lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, làm cơ sở cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cơ bản hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các loại đất.

- Nhiều hạng mục công trình, dự án được thực hiện hoàn thành, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa, công nghiệp hóa của địa phương.

### 3.2. Những khó khăn, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, việc ban hành Chỉ thị, văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn việc tổ chức thi hành Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết thi hành vẫn còn nhiều bất cập, thiếu sót, chồng chéo giữa các điều khoản thi hành luật và văn bản hướng dẫn thi hành. Việc sửa đổi, bổ sung Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành được thực hiện chậm (*phần lớn được điều chỉnh sau khi các địa phương phản ánh thiếu sót, hạn chế*). Điều đó dẫn đến nhiều địa phương vẫn còn khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng và thi hành Luật Đất đai.

- Việc tổ chức thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập do thiếu những hướng dẫn chi tiết giữa Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng và Luật Đất đai; do đó sự đồng bộ, liên kết giữa quy hoạch xây dựng, nông thôn mới và quy hoạch sử dụng đất chưa cao. Do văn bản hướng dẫn thi hành còn khái quát, chưa chi tiết, cụ thể. Cả 03 văn bản Luật nêu trên đều có các quy định về quy hoạch trên nền tảng sử dụng đất, tuy nhiên chưa có sự đồng bộ thống nhất.

- Công tác lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện chưa đồng nhất về thời điểm, do đó còn một số chỉ tiêu sử dụng đất bố trí cho cấp huyện chưa sát với thực tế (*chạy theo chỉ tiêu Chính phủ phân bổ*). Do đó, trong kỳ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch còn nhiều chỉ tiêu chưa sử dụng hết nhưng có nhiều chỉ tiêu cần thiết lại không được phân bổ.

- Vẫn còn tình trạng chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Nguyên nhân

một phần do công tác quản lý ở địa phương vẫn còn hạn chế (*chưa thường xuyên kiểm tra, thiếu sự kiên quyết trong quá trình xử lý vi phạm*); một phần do trình độ, nhận thức của một phần ít người dân chưa cao.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn còn một số tồn tại: Thời gian thực hiện khá dài, ảnh hưởng đến tiến độ công trình dự án. Nguyên nhân do phải thực hiện khá nhiều trình tự, thủ tục; chủ đầu tư các dự án đầu tư công chưa chủ động trong công tác chuẩn bị (*tiến hành đo đạc bản đồ thu hồi đất, trích đo địa chính sau khi thiết kế - kỹ thuật công trình được phê duyệt*).

- Một số ngành, đơn vị vẫn chưa thật sự kiên quyết loại bỏ các quy hoạch treo, các công trình kế hoạch chuyển tiếp nhiều năm liền nhưng vẫn chưa thực hiện được. Dẫn đến hạn chế quyền sử dụng đất của người dân, đồng thời làm giảm cơ hội đầu tư cho dự án khác.

- Một số đơn vị cấp xã có lúc chưa thực sự coi trọng công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hàng năm để tình trạng xây dựng không phép, xây dựng trên đất nông nghiệp, vi phạm quy hoạch vẫn còn xảy ra; việc người dân tự phát mở hẻm, phân lô bán nền diễn ra phức tạp trong thời gian dài gây khó khăn cho công tác xử lý vi phạm, đặc biệt là công tác khắc phục hậu quả vi phạm. Một số đồ án quy hoạch xây dựng chậm được triển khai gây ảnh hưởng đến đời sống người dân; công tác giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành dự án.

**3.3. Đề xuất, kiến nghị những giải pháp để khắc phục khó khăn, hạn chế, tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã qua**

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh cần được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất từ các ngành, lĩnh vực và nhu cầu sử dụng đất của cấp dưới trực thuộc. Cơ quan tham mưu cần mạnh dạng đề xuất cấp thẩm quyền cho phép điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất không phù hợp, không chạy theo chỉ tiêu cấp trên phân bổ.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần được chuẩn bị sớm, công tác rà soát, đánh giá quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần được thực hiện theo chuyên đề, cần có sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan đến công tác giao đất, cho thuê đất.

**4. Tình hình triển khai nhiệm vụ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện**

**4.1. Tình hình triển khai, thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

- Thực hiện Công văn số 5405/UBND-NNTN ngày 10/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Công văn số 1559/STNMT-PQLĐĐ ngày 30/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc triển khai thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Sau thời gian tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu tư vấn giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện tổng hợp, xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất thời

kỳ 2021 - 2030, ngày 25/02/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 trên địa bàn huyện.

- Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi đã ban hành thông báo về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 trên địa bàn huyện Đầm Dơi; đồng thời đăng tải thông tin về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện các công trình, dự án và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trên Trang thông tin điện tử, hệ thống loa truyền thanh của huyện; tuyên truyền nội dung trên băng loa phát thanh trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Đơn vị tư vấn đã rà soát đánh giá, phân tích dữ liệu giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất 2011 - 2020 và xây dựng bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các ngành chức năng, địa phương thực hiện lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- Tình hình rà soát, xác định nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Trong đó, dự kiến chỉ tiêu sử dụng đất theo từng loại đất; sử dụng đất các khu chức năng (*khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị, khu bảo tồn*); danh mục các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng đất từng thời kỳ; diện tích đất nông nghiệp xin chuyển mục đích sử dụng đất (*chia ra từng loại đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản*)...

- Các nguồn lực để thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Hiện nay, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có tổng số 08 biên chế, trong đó Ban lãnh đạo phòng là 02 biên chế, còn lại 05 công chức phụ trách chuyên môn (*thiếu 01 biên chế*).

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu, gồm 19 nhiệm vụ chính. Riêng đối với nhiệm vụ về đất đai bao gồm:

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện; tham gia xác định giá đất, mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của địa phương; tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật; tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trưng dụng đất, gia hạn trưng dụng đất; tham mưu giúp Ủy ban nhân

dân huyện trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện theo quy định.

Do nhiệm vụ chuyên môn rất nhiều, nhưng biên chế hạn chế, mỗi công chức phải đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn, thường xuyên phải làm thêm giờ. Do đó nguồn lực để thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chủ yếu là thuê các cơ quan, đơn vị tư vấn có chức năng, chuyên môn để thực hiện.

#### **4.2. Nêu những thuận lợi, khó khăn trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương**

##### **4.2.1. Những mặt thuận lợi**

Trong nhiều năm qua công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo tỉnh, huyện, sự nỗ lực của cán bộ, công chức trong quá trình tổng hợp nhu cầu sử dụng đất các sở ngành cho đến khi thực triển khai thực thi các hạng mục công trình, dự án. Nhờ đó mà nhiều công trình, dự án giao thông thông thôn được triển khai thực hiện, qua đó hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

##### **4.2.2. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác tổ chức lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 vẫn còn lúng túng.

- Do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến quy trình thực hiện công tác quy hoạch phải kéo dài và tiến trình thực hiện có phần chậm hơn so với dự kiến.

Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi báo cáo Đoàn giám sát - Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau./.

##### **Nơi nhận:**

- CT, các PCT. UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện (theo dõi);
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phương Bình**

Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến cuối năm 2020**  
 theo Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 1/3/2022  
 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi)



Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020		Kết quả thực hiện			
			Theo Quyết định 72/QĐ-UBND	Kế hoạch tăng, giảm so với năm 2015	Diện tích thực hiện đến 31/12/2020	So sánh		
						Tăng (+), giảm (-) so với hiện trạng 2015	Còn lại so với QĐ 72/QĐ-UBND	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)=(13)-(8)	(15)=(13)-(11)	(16)=(13)/(11)*100
<b>I</b>	<b>Loại đất</b>		<b>80.995,47</b>		<b>81.607,53</b>	<b>612,06</b>		
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>73.662,23</b>	<b>-1.214,45</b>	<b>74.137,64</b>	<b>-739,03</b>	<b>475,41</b>	<b>100,65</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA						
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,18	-0,01	0,20	0,01	0,02	109,23
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.956,93	-322,72	5.978,29	-301,36	21,36	100,36
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	6.985,00	2.123,42	6.824,00	1.962,42	-161,00	97,70
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	129,00	12,23	127,40	10,64	-1,60	98,76
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.257,00	1.335,11	3.138,00	2.216,11	881,00	139,03
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	58.248,00	-4.368,71	57.901,25	-4.715,46	-346,75	99,40
1.8	Đất làm muối	LMU	86,00	6,12	168,50	88,62	82,50	195,92
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,11	0,11			-0,11	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7.333,24</b>	<b>1.214,44</b>	<b>6.228,29</b>	<b>109,49</b>	<b>-1.104,95</b>	<b>84,93</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	14,00	-33,56	9,32	-38,24	-4,68	66,59
2.2	Đất an ninh	CAN	63,16	14,45	56,11	7,40	-7,05	88,84
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	105,00	105,00			-105,00	
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	7,92	4,49	5,78	2,35	-2,14	72,97
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	8,37	3,60	5,79	1,02	-2,58	69,17
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX						
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.857,84	1.000,97	990,54	133,67	-867,30	53,32
	Trong đó							
2.9.1	Đất giao thông	DGT	1.307,51	552,77	853,83	99,088	-453,68	65,30
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	360,96	333,28	33,65	5,97	-327,31	9,32
2.9.3	Đất cơ sở văn hóa	DVH	7,98	7,12	3,10	2,24	-4,88	38,86



STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020		Kết quả thực hiện			
			Theo Quyết định 72/QĐ-UBND	Kế hoạch tăng, giảm so với năm 2015	Diện tích thực hiện đến 31/12/2020	So sánh		
						Tăng (+), giảm (-) so với hiện trạng 2015	Còn lại so với QĐ 72/QĐ-UBND	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)=(13)-(8)	(15)=(13)-(11)	(16)=(13)/(11)*100
2.9.4	Đất cơ sở y tế	DYT	9,68	2,93	6,59	-0,16	-3,09	68,11
2.9.5	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	72,25	16,51	56,06	0,32	-16,19	77,60
2.9.6	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	18,06	14,16	4,16	0,26	-13,90	23,03
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	71,72	69,57	2,18	0,03	-69,54	3,04
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,19	-0,04	1,22	-0,01	0,03	102,43
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG						
2.9.10	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ	DKH						
2.9.10	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	4,95	-0,16	4,79	-0,32	-0,16	96,73
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	24,73	22,88	1,83	-0,02	-22,90	7,40
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,33	0,00	8,46	0,13	0,13	101,52
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	17,17	7,58	11,18	1,59	-5,99	65,11
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH						
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH						
2.9.16	Đất chợ	DCH	8,50	4,67	3,49	-0,34	-5,01	41,06
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,09	2,70	6,14	0,75	-1,95	75,94
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	7,10	6,63	0,47	0,00	-6,63	6,62
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	923,60	35,09	889,72	1,21	-33,88	96,33
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	67,33	27,54	45,75	5,96	-21,58	67,95
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	32,77	14,54	17,91	-0,32	-14,86	54,65
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,50	0,57	1,48	-1,45	-2,02	42,24
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,15	-0,03	2,11	-0,07	-0,04	98,03
2.19	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4.175,02	0,00	4.197,17	22,15	22,15	100,53
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC						
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,19	2,19			-2,19	
3	Đất chưa sử dụng	CSD			1.241,60	1.241,60	1.241,60	

**Phụ lục số 02**

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đến cuối năm 2020**



*Báo cáo số 145/BC-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo NQCP (ha)	Tổng hợp diện tích QHSDĐ các huyện đã được phê duyệt (ha)	Dự báo kết quả thực hiện		
				Dự báo thực hiện đến 31/12/2020	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)/(3)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>21.143,00</b>	<b>330,71</b>	<b>14,49</b>	<b>-21.128,51</b>	<b>0,07</b>
	<i>Trong đó:</i>				0,00	
1.1	Đất trồng lúa	6.865,00	164,86	10,85	-6.854,15	0,16
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.459,00	7,27	10,85	-3.448,15	0,31
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	262,00		0,00	-262,00	0,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	12.407,00	163,85	3,29	-12.403,71	0,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	1,00		0,00	-1,00	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng			0,00	0,00	
1.6	Đất rừng sản xuất			0,00	0,00	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.608,00	2,00	0,35	-1.607,65	0,02
1.8	Đất làm muối					
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>	<b>35.630,00</b>	<b>351,95</b>	<b>2,01</b>	<b>-35.627,99</b>	<b>0,01</b>
	<i>Trong đó:</i>			0,00	0,00	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	17,00		2,01	-14,99	11,82
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản		2,00		0,00	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hàng năm		190,50		0,00	
2.4	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	3.017,00	159,45		-3.017,00	0,00
2.5	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	5.628,00			-5.628,00	0,00
2.6	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	17.800,00			-17.800,00	
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>					